

Số: 3690 /TB-SNN

Nam Định, ngày 16 tháng 11 năm 2021

CV Số: 167

ĐẾN Ngày: 16/11/2021

Chuyên:

THÔNG BÁO

Danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản

Căn cứ Văn bản số 615/UBND-VP3 ngày 30/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường thực hiện giải pháp thích ứng với tình trạng thiếu hụt nguồn nước phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2021-2022;

Căn cứ Biên bản làm việc giữa Sở Nông nghiệp & PTNT (Phòng Quản lý xây dựng công trình, Chi cục Thủy lợi), Sở Tài chính và Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản ngày 25/10/2021 về việc kiểm tra danh mục sửa chữa công trình thủy lợi theo đề nghị của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản;

Căn cứ Văn bản số 1669/STC-TCDN ngày 03/11/2021 của Sở Tài chính về việc ý kiến về sự phù hợp của nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn để sửa chữa công trình năm 2022;

Xét đề nghị của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản tại Tờ trình số 103/TTr-TN ngày 30/9/2021 về việc xin phê duyệt danh mục kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình năm 2022, đã được UBND huyện Vụ Bản xác nhận; Báo cáo số 250/BC-CT ngày 30/9/2021 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản về việc kết quả thực hiện thông báo danh mục tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi nguồn vốn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và khấu hao tài sản cố định.

Để phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai, Sở Nông nghiệp & PTNT thông báo danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản như sau:

1. Tổng kinh phí sửa chữa công trình năm 2022: 3.945,674 triệu đồng, bao gồm:

- Công trình đã thực hiện trong năm 2021 chưa cân đối được nguồn kinh phí chuyển sang kế hoạch năm 2022: 1.655,674 triệu đồng;

- Công trình sửa chữa trong năm 2022: 2.290 triệu đồng;

Trong đó:

+ Nạo vét kênh (11 hạng mục công trình) với kinh phí dự kiến là: 200,0 triệu đồng;

+ Sửa chữa kênh (14 hạng mục), cống đập (06 hạng mục), với kinh phí dự kiến: 1.390,0 triệu đồng.

+ Sửa chữa trạm bơm: 500,0 triệu đồng;

+ Dự phòng sửa chữa đột xuất với kinh phí: 200,0 triệu đồng.

2. Nguồn vốn: Cân đối trong nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản.

3. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 31/12/2022.

4. Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản có trách nhiệm:

- Công bố, công khai danh mục sửa chữa công trình trong Thông báo này theo quy định, trong đó công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty chậm nhất ngày 01/01/2022;

- Ưu tiên thanh toán dứt điểm cho công trình đã thi công năm trước; cân đối nguồn kinh phí để thực hiện sửa chữa công trình theo thứ tự ưu tiên, không được để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tổ chức thực hiện theo Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các quy định có liên quan khác.

- Tổ chức thực hiện đảm bảo không vượt tổng kinh phí theo thông báo này, các hạng mục không thực hiện phải báo cáo và được Sở Nông nghiệp & PTNT có văn bản cho phép điều chỉnh trước ngày 15/12/2022.

- Báo cáo kết quả thực hiện Thông báo này về Sở Nông nghiệp & PTNT trước ngày 28/02/2023.

Sở Nông Nghiệp & PTNT thông báo các nội dung trên để Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (Để báo cáo)
- Sở Tài chính; | (Để phối hợp)
- UBND huyện Vụ Bản;
- Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bản ;
- Lưu: VT, TCKT, QLXDCT, CCTL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Sinh Tiến

**DANH MỤC SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NĂM 2022
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VỤ BẢN**

(Kèm theo Thông báo số 3690/TB-SNN ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Nam Định)

STT	Tên công trình	Địa điểm xã	Biện pháp sửa chữa công trình	Chiều dài (m)	Khối lượng (m ³)	Tổng kinh phí dự kiến (đồng)	Trong đó (đồng)		Ghi chú
							Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022	Vốn KH TSCĐ	
	Tổng cộng(A+B)					3.945.674.000	3.945.674.000	-	
A	Các công trình đã thực hiện trong năm 2021 (theo TB số 2999/TB-SNN ngày 20/11/2020)			-	-	1.655.674.000	1.655.674.000		
1	Kênh Bắc	Hiền Khánh	Gia cỏ mái ngoài bờ phải từ K16+029 đến K16+125.			45.206.000	45.206.000		
2	Kênh Nam	Tam Thanh	Kè mái ngoài bờ hữu từ K9+682 đến K9+823; dài 141 mét			71.668.000	71.668.000		
3	Kênh N1a	Thị trấn Gôi	Tu bổ sửa chữa đoạn K0+203,5- K0+230			53.232.000	53.232.000		
4	Kênh B8b	Minh Tân	Xây tương kênh bị đổ các đoạn			96.799.000	96.799.000		
5	Kênh Bắc	Kim Thái; Cộng Hòa	Kè mái ngoài các đoạn kênh: từ K7+226 đến K7+250; từ K12+355 đến K12+374; từ K16+400 đến K16+416			39.906.000	39.906.000		
6	Kênh dẫn Trạm bơm Cầu Đá	Hiền Khánh	Nạo vét			56.976.000	56.976.000		
7	Kênh dẫn Trạm bơm Chùa Dầu	Trung Thành	Nạo vét lòng kênh đoạn K0 đến K0+187,5			21.051.000	21.051.000		

STT	Tên công trình	Địa điểm xã	Biện pháp sửa chữa công trình	Chiều dài (m)	Khối lượng (m3)	Tổng kinh phí dự kiến (đồng)	Trong đó (đồng)		Ghi chú
							Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022	Vốn KH TSCĐ	
B	Công trình thông báo mới			6.701,0	5.411,0	2.290.000.000	2.290.000.000	-	
I	Sửa chữa kênh			1.701,0	3.161,0	1.175.000.000	1.175.000.000		
1	Kênh Nam	Thành Lợi, Thị trấn	Xử lý sạt lở mái kênh các đoạn	100,0	50,0	30.000.000	30.000.000		
2	Kênh Bắc	Tân Khánh, Hiền Khánh	Xử lý sạt lở mái kênh các đoạn kênh	70,0	350,0	50.000.000	50.000.000		
3	Kênh S29a	Minh Tân	Tu bổ sửa chữa kênh	450,0	805,0	700.000.000	700.000.000		
4	Kênh dẫn trạm bơm B15B	Hiền Khánh	Nạo vét lòng kênh	500,0	800,0	60.000.000	60.000.000		
	Kênh dẫn TB Ba Xã	Vĩnh Hào	Nạo vét lòng kênh	30,0	300,0	15.000.000	15.000.000		
5	Kênh S27-1	Tân Khánh	Xử lý sạt mái trong	30,0	90,0	20.000.000	20.000.000		
6	Kênh B1	Tân Thành	Đắp sạt mái ngoài K0+600-K0+806	206,0	400,0	80.000.000	80.000.000		
7	Kênh B0	Thành Lợi	Sửa chữa + trát lại tường kênh các đoạn	100,0	200,0	50.000.000	50.000.000		
8	Kênh B3	Đại An	Đắp sạt mái ngoài	40,0	50,0	15.000.000	15.000.000		
9	Kênh B4	Liên bảo	Đắp sạt mái ngoài	30,0	30,0	10.000.000	10.000.000		
10	Kênh B8b; B9; B12	Minh Tân, Cộng Hòa	Sửa chữa tường kênh đổ các đoạn	80,0	70,0	100.000.000	100.000.000		
11	Kênh B6a	Kim Thái	Sửa chữa đoạn tường kênh đổ				20.000.000		

STT	Tên công trình	Địa điểm xã	Biện pháp sửa chữa công trình	Chiều dài (m)	Khối lượng (m3)	Tổng kinh phí dự kiến (đồng)	Trong đó (đồng)		Ghi chú
							Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022	Vốn KH TSCĐ	
19	Cống T3-6	Đại An	Sửa chữa			59.419.000	59.419.000		
20	Cống trên kênh T7 tại K0+800	Trung Thành	Sửa chữa cải tạo			103.522.000	103.522.000		
21	Cống B5c	Quang Trung	Cải tạo sửa chữa			22.791.000	22.791.000		
22	Cống trên kênh C25 tại K2+400	Vĩnh Hào	Sửa chữa cải tạo			191.418.000	191.418.000		
23	Cống T5-1b	Đại An	Sửa chữa			32.818.000	32.818.000		
24	Cống chuyển nước qua kênh quả Bầu tại K3+145 (Điều tiết trên kênh quả bầu)	Thành Lợi	Xử lý sạt			5.119.000	5.119.000		
25	Cống T2	Trung Thành	Cánh cống hỏng làm lại			39.646.000	39.646.000		
26	Cống chuyển nước qua kênh Nam Đế tại K0+702	Đại Thắng	Sửa chữa cải tạo			61.441.000	61.441.000		
27	Cống B7	Kim Thái	Sửa chữa cống			9.584.000	9.584.000		
28	Cống T9	Hợp Hưng	Cánh cống hỏng làm lại			41.303.000	41.303.000		
29	Xi phòng cầu Giành	Thành Lợi	Lắp đặt hệ thống đóng mở bằng điện			150.000.000	150.000.000		
30	Kênh B1	Tân Thành	Tu bổ, sửa chữa mái ngoài K0+806-K0+900			70.000.000	70.000.000		